BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4298 /QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Sở hữu trí tuệ là đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng triển khai các hoạt động để bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, sáng kiến; trực tiếp quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp về sở hữu công nghiệp và sáng kiến theo quy định của pháp luật.

2. Cục Sở hữu trí tuệ có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật, có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

3. Cục Sở hữu trí tuệ có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: Intellectual Property Office of Viet Nam (viết tắt là IP Viet Nam).

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Về công tác xây dựng thể chế

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt:

- Các văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và hoạt động sáng kiến;

- Cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ, sáng kiến và phát triển tổ chức, nhân lực thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý;

- Chương trình, đề án chung về sở hữu trí tuệ, các biện pháp phối hợp giữa

các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ;

- Chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm, hằng năm, chương trình, đề án, dự án về sở hữu công nghiệp.

b) Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn quy trình, chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản nội bộ, văn bản cá biệt khác thuộc phạm vi quản lý của Cục Sở hữu trí tuệ.

2. Về tổ chức thực thi quản lý nhà nước và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ

a) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về sở hữu trí tuệ, sáng kiến sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành, bao gồm cả kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp của các bộ, ngành và ủy ban nhân dân các cấp;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm cả quản lý việc sử dụng dấu hiệu chỉ địa danh quốc gia (“Việt Nam”, “Việt”, “Viet Nam”, “Viet”) để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm, dịch vụ quốc gia của Việt Nam và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng và tổ chức quản lý việc sử dụng biểu trưng chỉ dẫn địa lý quốc gia Việt Nam;

d) Chủ trì, phối hợp triển khai các biện pháp nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sáng tạo và hoạt động sáng kiến; thúc đẩy việc công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi sáng kiến và tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trong toàn quốc theo quy định của pháp luật;

đ) Quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp và hoạt động giám định sở hữu công nghiệp trên phạm vi cả nước: Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp, hoạt động giám định sở hữu công nghiệp;

e) Thực hiện các biện pháp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ để triển khai việc quản lý và hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động sáng kiến và đổi mới sáng tạo;

g) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động và việc chấp hành các quy định pháp luật của các hội trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo phân công của Bộ trưởng, đề xuất biện pháp xử lý các vi phạm pháp luật với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức lấy ý kiến các hội về việc hoàn thiện các quy định của pháp luật và phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ;

h) Xây dựng, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ:

- Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp; xây dựng công cụ tra cứu, hướng dẫn tra cứu và sử dụng thông tin sở hữu công nghiệp; bảo đảm khả năng tiếp cận các kho thông tin cho các đối tượng có nhu cầu dùng tin; tổ chức việc cung ứng thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản xuất, kinh doanh; công bố các thông tin liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp được bảo hộ tại Việt Nam;

- Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin quản lý chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì và phát triển cơ sở dữ liệu về giá giao dịch quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

i) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

k) Thực hiện kiểm tra chuyên ngành về sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện phòng, chống tham nhũng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

l) Tham gia giải quyết các tranh chấp về sở hữu công nghiệp và tranh chấp thương mại liên quan đến sở hữu công nghiệp thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp ý kiến chuyên môn phục vụ việc giải quyết các tranh chấp, vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp;

m) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ và sáng kiến;

n) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cấp Chứng chỉ, Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

o) Đầu mối tổ chức các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tạo ra, xác lập, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tư vấn về xác lập, bảo vệ, quản lý và phát triển giá trị quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật; hỗ trợ việc áp dụng và chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, đặc biệt là sáng chế và sáng kiến nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất và kinh doanh;

p) Thực hiện các hoạt động quản lý và phát triển mạng lưới tư vấn viên về sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

q) Thực hiện hợp tác quốc tế về sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng, tham gia đàm phán để ký kết gia nhập và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế chung về sở hữu trí tuệ; đề xuất xử lý các vấn đề tranh chấp quốc gia liên quan đến sở hữu trí tuệ;

r) Tổ chức nghiên cứu khoa học, thống kê về sở hữu công nghiệp;

s) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo Bộ trưởng để báo cáo Chính phủ về tình hình hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động sáng kiến, đề xuất các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống sở hữu trí tuệ và đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, sáng kiến;

t) Quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình đầu tư phát triển chung về sở hữu trí tuệ và các dự án đầu tư thuộc Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

u) Thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ khác trong hoạt động sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

v) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức và quản lý việc cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Về công tác quản trị nội bộ

a) Triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện quản lý, sử dụng công chức, viên chức, người lao động; quản lý tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các nguồn lực khác của Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Cục

a) Lãnh đạo Cục có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng.

b) Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác của Cục được phân công, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức bộ máy

a) Các phòng quản lý tổng hợp

- Phòng Công nghệ thông tin;

- Phòng Kế hoạch-Tài chính;

- Phòng Pháp chế, Chính sách và Hợp tác quốc tế;

- Phòng Tổ chức cán bộ;

- Văn phòng.

Văn phòng có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

b) Các phòng quản lý chuyên ngành

- Phòng Kiểu dáng công nghiệp;

- Phòng Nhãn hiệu quốc gia;

- Phòng Nhãn hiệu quốc tế và Chỉ dẫn địa lý;

- Phòng Quản lý chất lượng;

- Phòng Quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ;

- Phòng Sáng chế;

- Phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập

- Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ.

Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Cục do Cục trưởng quyết định.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ do Cục trưởng quyết định sau khi có ý kiến của Vụ Tổ chức cán bộ và Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Phòng Pháp chế và Chính sách, Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Thanh tra và Giải quyết khiếu nại (theo Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm

vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ) tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định cho đến khi Quyết định của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ban hành chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Pháp chế, Chính sách và Hợp tác quốc tế, Phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

2. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng kể từ ngày 01/12/2026.

Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng được tiếp tục sử dụng con dấu đến hết ngày 31/12/2026 để hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

3. Phòng Đăng ký, Trung tâm Thẩm định Sáng chế, Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu, Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế, Trung tâm Thẩm định Kiểu dáng công nghiệp, Trung tâm thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ, Trung tâm Công nghệ thông tin (theo Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ) tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định cho đến khi Quyết định của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng: Phòng Kiểu dáng công nghiệp, Phòng Nhãn hiệu quốc gia, Phòng Nhãn hiệu quốc tế và Chỉ dẫn địa lý, Phòng Quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ, Phòng Quản lý chất lượng và Phòng Sáng chế đủ điều kiện để có hiệu lực.

4. Trung tâm Thông tin Sở hữu công nghiệp (quy định tại Quyết định số 427/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp trực thuộc Cục Sở hữu trí tuệ) và Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ Tư vấn (quy định tại Quyết định số 428/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ, Tư vấn trực thuộc Cục Sở hữu trí tuệ) tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi Quyết định của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ có hiệu lực thi hành.

5. Quyết định số 427/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin Sở hữu công nghiệp, Quyết định số 428/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ, Tư vấn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định quy định chức năng, nhiệm

vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ do Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ban hành có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng TTĐT của Bộ KHCN;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Vũ Hải Quân